TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2022
Về việc:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Văn Tư**
Ông **Phạm Văn Giới**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Hường** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Phương T**, sinh năm 2000; Trú tại: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

*Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1996; Trú tại: Ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

(*Các bên đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2018.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi nhau và anh T1 có đánh đập chị T. Từ tháng 4/2021 đến nay, chị T và anh T1 sống ly thân. Chị T xác định tình cảm giành cho anh T1 đã thực sự hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Có 05 con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018; Nguyễn Th1 P, sinh ngày 16/12/2019; Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 và Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022. Chị T có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn Th1 và cháu

Nguyễn Lê Mỹ D; giao các cháu N; P và Nh cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị Lê Thị Phương T chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về ở chung tại nhà bố mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh T1 thừa nhận có đánh chị T. Anh T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Có 05 con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018; Nguyễn Th1 P, sinh ngày 16/12/2019; Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 và Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022. Anh T1 đồng ý giao con chung là cháu Th1 và cháu D cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh T1 đồng ý nuôi các con chung là cháu N; P và Nh. Anh T1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị Lê Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T1; giao các con chung là cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018 và Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022 cho chị T trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng, giao các con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018; Nguyễn Th1 P, sinh ngày 16/12/2019; Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh

Nguyễn Văn T1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con " được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 cư trú tại ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh B; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn chị Lê Thị Phương T và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 nhưng chị T và anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2018. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau dẫn đến mâu thuẫn. Chị T và anh T1 không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc. Từ tháng 4/2021 đến nay cả hai sống ly thân không còn quan T1 đến cuộc sống của nhau. Cả hai đều xác định tình cảm giành cho nhau đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 05 con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018; Nguyễn Thuận P, sinh ngày 16/12/2019; Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 và Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022. Chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Văn Th1 và Nguyễn Lê Mỹ D và giao các con chung là Nguyễn Thị Cẩm N; Nguyễn Thuận P và Nguyễn Thị Nh cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh T1 cũng đồng ý nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022 cho chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Thuận P, sinh ngày 16/12/2019 và Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*), nguyên đơn chị Phạm Thị Phương T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018631, ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THA huyện Đồng Phú;*
- *UBND xã Đồng Tiến;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 5 năm 2022
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Hoàng Văn Tư**
Ông **Phạm Văn Giới**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 339/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Phương T**, sinh năm 2000; Trú tại: Ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1996; Trú tại: Ấp 3, xã Đồng

Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

(*Các bên đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt*)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Lê Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Th1, sinh ngày 09/3/2018 và cháu Nguyễn Lê Mỹ D, sinh ngày 23/02/2022 cho chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 01/01/2017; Nguyễn Th1 P, sinh ngày 16/12/2019 và Nguyễn Thị T Nh, sinh ngày 13/01/2020 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*), nguyên đơn chị Phạm Thị T Thảo phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018631, ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ .... phút cùng ngày. Đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán chủ toạ phiên toà**
Hoàng Văn Tư - Phạm Văn Giới	**Nguyễn Thị Hương**